

LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CỦA VIỆT NAM VỚI VAI TRÒ QUAN TRỌNG TRONG HOẠT ĐỘNG ĐỐI NGOẠI VÀ THỰC HIỆN CÁC CAM KẾT QUỐC TẾ

ThS. Đặng Xuân Phúc

Trường Đại học Kinh tế - Công nghiệp Long An

● **TÓM TẮT:** Ngày 09/04/2016, Quốc hội ban hành Luật Điều ước quốc tế 2016 quy định về việc ký kết, bảo lưu, sửa đổi, bổ sung, gia hạn, chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện, lưu chiếu, lưu trữ, sao lục, đăng tải, đăng ký và tổ chức thực hiện điều ước quốc tế. Luật Điều ước quốc tế 2016 gồm 84 Điều trong 10 Chương. Đến hiện tại, tháng 07/2025 vẫn chưa có văn bản nào được ban hành nhằm thay thế cho Luật Điều ước quốc tế 2016 (Bộ Ngoại giao đang chủ trì dự thảo sửa đổi Luật)... Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng hiện nay, việc hoàn thiện và thực thi hiệu quả Luật Điều ước quốc tế là yêu cầu tất yếu để nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế. Vì vậy, cần triển khai những giải pháp nhằm hoàn thiện Luật cũng như nâng cao hiệu quả thực thi Luật; từ đó giúp Việt Nam bảo vệ được quyền lợi quốc gia, nâng cao uy tín quốc tế và thúc đẩy phát triển bền vững.

● **Từ khóa:** Luật Điều ước quốc tế; hội nhập và phát triển; tính pháp lý và minh bạch; quan hệ quốc tế.

● **ABSTRACT:** On April 9, 2016, the National Assembly promulgated the Law on International Treaties 2016, which provides regulations on the signing, reservation, amendment, supplementation, extension, termination, withdrawal, suspension, deposit, archiving, reproduction, publication, registration, and implementation of international treaties. The Law on International Treaties 2016 consists of 84 articles divided into 10 chapters. As of July 2025, no new legal document has been issued to replace this law (the Ministry of Foreign Affairs is currently drafting its revision). In the current context of deep international integration, the improvement and effective implementation of the Law on International Treaties are essential to enhance Vietnam's position in the international arena. Therefore, it is necessary to adopt solutions to perfect the law and improve its enforcement efficiency, thereby helping Vietnam safeguard national interests, strengthen its international reputation, and promote sustainable development

● **Keywords:** Law on International Treaties; integration and development; legality and transparency; international relations.

Ngày nhận bài: 25/9/2025 Ngày bình duyệt: 24/10/2025 Ngày duyệt đăng: 28/10/2025

KHÁI QUÁT VỀ LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Luật Điều ước quốc tế (ĐUQT) là một bộ phận quan trọng của luật quốc tế, điều chỉnh việc ký kết, thực hiện, sửa đổi, chấm dứt và giải thích các điều ước quốc tế giữa các chủ thể của luật quốc tế, chủ yếu là các quốc gia và tổ chức quốc tế. Trong hệ thống pháp luật của mỗi quốc gia, Luật Điều ước quốc tế cũng có vai trò điều chỉnh hoạt động đối ngoại liên quan đến việc tham gia và thực hiện các cam kết quốc tế.

Tại Việt Nam, Luật Điều ước quốc tế được Quốc hội ban hành lần đầu vào năm 2005 và được thay thế bởi Luật Điều ước quốc tế năm 2016, quy định cụ thể về trình tự, thủ tục ký kết, gia nhập, phê chuẩn, thực hiện và rút khỏi điều ước quốc tế.

Luật Điều ước quốc tế có vai trò quan trọng trong quan hệ quốc tế, nhất là trong thời kỳ hội nhập toàn cầu sâu rộng của đất nước hiện nay. Những vai trò ấy được thể hiện ở các mặt sau:

- *Bảo đảm tính pháp lý và minh bạch trong quan hệ quốc tế*: Luật Điều ước quốc tế thiết lập khuôn khổ pháp lý rõ ràng để các quốc gia và tổ chức quốc tế xây dựng quan hệ hợp tác, cam kết và trách nhiệm với nhau. Nhờ có luật này, việc ký kết và thực hiện điều ước được thực hiện theo những nguyên tắc minh bạch, có trình tự, từ đó giúp hạn chế tranh chấp và hiểu lầm trong quan hệ quốc tế.

Củng cố chủ quyền và lợi ích quốc gia: Việc tham gia điều ước quốc tế không chỉ thể hiện trách nhiệm và vị thế của một quốc gia trên trường quốc tế mà còn là công cụ pháp lý để bảo vệ lợi ích quốc gia. Luật Điều ước quốc tế quy định rõ cơ chế xem xét, phê chuẩn, từ chối hoặc rút khỏi điều ước quốc tế nếu điều ước đó không còn phù hợp với lợi ích quốc gia.

Thúc đẩy hội nhập và phát triển quốc tế: Trong bối cảnh toàn cầu hóa, các điều ước quốc tế là cầu nối để quốc gia hội nhập

sâu rộng vào đời sống kinh tế, chính trị, xã hội và môi trường toàn cầu. Luật Điều ước quốc tế là nền tảng pháp lý để Việt Nam ký kết các hiệp định thương mại tự do (FTA), các thỏa thuận về bảo vệ môi trường, quyền con người, y tế, giáo dục, v.v.

- *Góp phần xây dựng nhà nước pháp quyền và hoàn thiện pháp luật trong nước*: Khi Việt Nam ký kết và thực hiện các điều ước quốc tế, nhiều quy định trong các điều ước này trở thành nguồn tham khảo quan trọng để hoàn thiện pháp luật trong nước. Bên cạnh đó, việc thực hiện điều ước quốc tế cũng thúc đẩy việc nội luật hóa các cam kết quốc tế, từ đó nâng cao chất lượng pháp luật quốc gia.

VAI TRÒ CỦA LUẬT ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ TRONG THỰC TIỄN

- *Đảm bảo tính thống nhất trong hệ thống pháp luật*: Luật Điều ước quốc tế quy định rõ về hiệu lực của điều ước so với pháp luật trong nước. Theo Điều 6 của Luật Điều ước quốc tế 2016, trong trường hợp có sự khác nhau giữa quy định của điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên với pháp luật trong nước thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế, trừ Hiến pháp.

- *Tăng cường trách nhiệm giải trình của cơ quan nhà nước*: Luật quy định rõ thẩm quyền của các cơ quan, cá nhân trong quá trình đề xuất, đàm phán, ký kết và thực hiện điều ước, từ đó giúp nâng cao trách nhiệm và tính minh bạch trong hoạt động đối ngoại.

- *Bảo vệ quyền và lợi ích của công dân, tổ chức trong nước*: Thông qua các điều ước quốc tế, đặc biệt là các hiệp định thương mại, người dân và doanh nghiệp được tiếp cận với thị trường quốc tế, được bảo vệ quyền lợi trong các tranh chấp xuyên biên giới.

KHÁI NIỆM, CƠ SỞ PHÁP LÝ

Khái niệm: “Điều ước quốc tế” (international treaty/agreement) là cam kết có hiệu lực giữa các chủ thể của luật quốc tế (chủ yếu là quốc gia; đôi khi là tổ chức quốc

tế), được thể hiện bằng văn bản và chịu sự điều chỉnh của luật quốc tế. Luật điều ước quốc tế bao gồm các giai đoạn: đàm phán, ký, phê chuẩn/gia nhập, công bố, thực thi, và khi cần thiết sửa đổi, bổ sung, rút khỏi hoặc chấm dứt hiệu lực điều ước.

Cơ sở pháp lý tại Việt Nam:

Việt Nam đã có hệ thống pháp luật liên quan đến điều ước quốc tế, gồm:

- Luật Điều ước quốc tế năm 2016: đây là luật nền tảng quy định việc ký kết, phê chuẩn, thực thi, thực hiện, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt điều ước quốc tế.

- Luật Thỏa thuận quốc tế năm 2020 (Law on International Agreements): đặt ra quy định đối với các “thỏa thuận quốc tế” (không phải luôn là điều ước đầy đủ giữa các quốc gia), giúp mở rộng phạm vi điều chỉnh phù hợp với thực tế hoạt động quốc tế của Việt Nam.

- Các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn của các bộ, ngành có liên quan (ví dụ Thông tư, Nghị định) về thủ tục, nội dung, trách nhiệm liên quan đến điều ước quốc tế.

Vai trò và tầm quan trọng của Luật Điều ước quốc tế: Điều ước quốc tế là công cụ cơ bản để Việt Nam tham gia sâu vào quan hệ quốc tế: thương mại, đầu tư, hợp tác phòng, chống tội phạm, môi trường, lao động, nhân quyền, y tế, an ninh, Biển Đông... Việc ký kết và thực thi điều ước giúp đem lại lợi ích: uy tín quốc tế, tiếp cận thị trường, đảm bảo môi trường pháp lý ổn định cho các doanh nghiệp, thu hút FDI, bảo vệ quyền lợi công dân, đảm bảo an sinh xã hội.

THỰC TRẠNG THỰC THI

Dưới đây là những điểm tích cực và những hạn chế trong thực thi Luật điều ước quốc tế tại Việt Nam dựa trên các số liệu, phân tích hiện có.

Những điểm tích cực:

Việt Nam đã ký và tích cực tham gia nhiều điều ước quốc tế, nhất là trong các lĩnh vực môi trường, bảo vệ tài nguyên, phòng

chống tội phạm xuyên quốc gia, thương mại và đầu tư. Ví dụ: Việt Nam gia nhập các công ước về vệ sinh môi trường, luật biển, bảo tồn động thực vật hoang dã (CITES), các thỏa thuận quốc tế về hợp tác tư pháp, dẫn độ, tương trợ tư pháp. Luật pháp trong nước đã được chỉnh sửa, bổ sung để phù hợp với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Ví dụ: Dự thảo sửa đổi Luật Phòng, chống mua bán người (Human Trafficking) để phù hợp với các điều ước quốc tế như Protokol Palermo, Hiệp ước ASEAN về phòng chống mua bán người. Việc thi hành Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển và các hiệp định phụ liên quan (UNFSA) được thông báo có hiệu lực tại Việt Nam, đồng thời Việt Nam đã ban hành Luật Thủy sản 2017 để phù hợp hơn với các cam kết quốc tế. Tính minh bạch & pháp chế được cải thiện: có cơ quan chuyên trách (Bộ Ngoại giao - Cục Pháp luật và Điều ước quốc tế), có Thông cáo công bố điều ước quốc tế có hiệu lực.

Những hạn chế, bất cập:

Các vấn đề thực tế mà khi triển khai thực hiện có thể gây cản trở hiệu quả thực thi điều ước quốc tế bao gồm: Chưa đồng bộ pháp luật trong nước với cam kết quốc tế; Thiếu năng lực của cơ quan thực thi; Thiếu cơ chế giám sát, đánh giá, công khai minh bạch; Thủ tục phê chuẩn, ký kết, sửa đổi, rút khỏi điều ước còn phức tạp, chậm; Vấn đề về ưu tiên và xung đột lợi ích; Nhận thức và thông tin chưa phổ biến.

Một số lĩnh vực hoặc trường hợp cụ thể cho thấy rõ những điểm mạnh hoặc yếu của thực thi; như: *Thương mại tự do (FTA) & điều ước kinh tế:* Việt Nam đã ký nhiều FTA thế hệ mới, cơ hội lớn về xuất khẩu, đối tác, ưu đãi thuế quan. Nhưng thực thi cam kết về tiêu chuẩn, bảo vệ môi trường, lao động, quy tắc xuất xứ... vẫn có nơi chưa đạt. Cần phổ biến thông tin hơn và kiểm soát tốt hơn. Hay ở một luật khác là *Luật phòng, chống mua bán người:* việc sửa đổi nhằm đưa các chuẩn quốc tế vào luật nội địa, điều này cho thấy sự phản hồi tích cực khi có yêu

cầu quốc tế rõ ràng. *Quản lý động thực vật hoang dã, bảo tồn môi trường*: Việt Nam tham gia nhiều điều ước, nhưng việc thực hiện các biện pháp kiểm soát buôn bán quốc tế, bảo vệ loài nguy cấp, quản lý sinh học hoang dã ở mức vùng, quốc tế... đòi hỏi đầu tư hơn cả về năng lực, giám sát và xử lý vi phạm.

ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN

Dựa trên các thực trạng nêu trên, sau đây là các giải pháp có tính khả thi để nâng cao hiệu quả thực thi Luật Điều ước quốc tế tại Việt Nam:

1. *Rà soát, đánh giá toàn diện các văn bản luật, nghị định, thông tư* để phát hiện những chồng chéo, mâu thuẫn với điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn; tiến đến việc hiệu chỉnh, sửa đổi. Xây dựng các quy định rõ ràng hơn trong luật nội bộ về việc chuyển hóa các cam kết quốc tế: khi nào điều ước được áp dụng trực tiếp, khi nào cần luật thực thi, luật chuyên ngành hỗ trợ. Đảm bảo các luật mới (hoặc sửa luật) có quy định về trách nhiệm, biện pháp xử lý vi phạm (hành chính, dân sự, hình sự nếu cần) nhằm thực thi điều ước quốc tế. Tăng cường quy định về trách nhiệm của các bộ, ngành khi xây dựng văn bản pháp luật mới phải rà soát tính tương thích với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên; có thể là trách nhiệm pháp lý nếu không thực hiện.

2. *Tăng cường cơ chế giám sát, đánh giá và minh bạch*: Thiết lập hệ thống báo cáo định kỳ, công khai về việc thực thi các điều ước quốc tế, báo cáo với Quốc hội, Chính phủ, người dân. Phát triển công cụ giám sát (chỉ số, bộ chỉ tiêu) cho từng lĩnh vực quan trọng (thương mại, môi trường, lao động, bảo vệ người tiêu dùng) để đo lường mức độ thực thi. Ví dụ như “FTA index” khi đánh giá các hiệp định thương mại tự do. Tăng cường sự tham gia của xã hội dân sự, các tổ chức phi chính phủ, báo chí trong việc theo dõi và phản ánh thực thi điều ước quốc tế.

3. *Nâng cao năng lực thực thi*: Đào tạo cán bộ cấp bộ, cấp tỉnh, các cơ quan thực thi về luật quốc tế, điều ước quốc tế; chuyên môn hóa về các lĩnh vực như môi trường, lao động, thuế, xuất nhập khẩu, nhân quyền, an ninh. Bố trí nguồn lực tài chính, trang thiết bị cho các cơ quan quản lý, giám sát - đặc biệt ở địa phương, vùng sâu vùng xa - nơi việc thực hiện có thể gặp khó khăn hơn. Hợp tác quốc tế để học hỏi kinh nghiệm, nhận hỗ trợ kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế; tăng cường trao đổi thông tin, dữ liệu, công nghệ (ví dụ trong giám sát môi trường, đánh giá tác động, xác minh quyền xuất xứ, v.v.).

4. *Đơn giản hóa thủ tục hành chính và nâng cao tốc độ thực thi*: Rút ngắn thời gian phê chuẩn, ký kết, sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hiệu lực điều ước quốc tế khi cần thiết đồng thời đảm bảo quy trình này vẫn minh bạch và có kiểm tra phù hợp. Xây dựng quy trình “rút gọn” (fast-track) cho các điều ước không nhạy cảm hoặc có ảnh hưởng ít đến chính sách quốc gia, với điều kiện kiểm soát rủi ro rõ ràng.

5. *Ưu tiên các cam kết quốc tế trọng tâm và thiết thực*: Xác định rõ các điều ước quốc tế/ngành nào là ưu tiên, ví dụ: môi trường biển, biến đổi khí hậu, lao động, quyền con người để tập trung nguồn lực và chủ động trong xây dựng nội luật phù hợp. Cân nhắc kỹ lợi ích - chi phí trước khi ký kết, nhằm tránh cam kết quá nặng nề mà không có khả năng thực thi.

6. *Tăng cường thông tin, tuyên truyền, phổ biến*: Đưa nội dung điều ước quốc tế vào chương trình đào tạo về luật, quan hệ quốc tế, quản lý nhà nước. Tuyên truyền đến doanh nghiệp, cộng đồng địa phương, người dân về quyền và nghĩa vụ từ các điều ước quốc tế, lợi ích khi thực thi đầy đủ. Cung cấp thông tin dễ hiểu, truy cập công khai trên trang web Chính phủ, Bộ ngoại giao về các điều ước quốc tế, báo cáo thực thi, đánh giá, các vấn đề tranh tụng (nếu có).

7. *Tăng cường trách nhiệm giải trình và chế tài xử lý vi phạm*: Luật và các quy

định nên rõ ràng về trách nhiệm của các bộ, ngành, địa phương trong việc thực thi điều ước quốc tế; nếu không thực hiện hoặc thực hiện không đúng phải có chế tài (hành chính, kỷ luật, công khai trách nhiệm) rõ ràng. Đưa việc thực thi điều ước quốc tế vào tiêu chí đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ lãnh đạo các cấp. Xem xét biện pháp đặc thù khi điều ước quốc tế có quy định về giải trình quốc tế, đảm bảo Việt Nam thực hiện đầy đủ nghĩa vụ báo cáo, hợp tác với các cơ quan quốc tế. Tăng cường tính minh bạch, phổ biến thông tin về các điều ước quốc tế: công khai văn bản, thông báo hiệu lực, thúc đẩy sự tham gia của xã hội dân sự trong giám sát thực thi.

Việc ký kết và thực thi điều ước quốc tế là một phần không thể thiếu trong tiến trình hội nhập quốc tế của Việt Nam. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ đáng kể về luật pháp, thể chế và thực thi, vẫn tồn tại không ít khó khăn, từ việc hài hòa luật trong nước với quyền và nghĩa vụ quốc tế, năng lực thực thi, tới thủ tục hành chính và thông tin phổ biến.

Liên quan đến những giải pháp hoàn thiện Luật, tại Dự thảo Luật ĐUQT (sửa đổi), Bộ Ngoại giao đề xuất sửa đổi, bổ sung 03 nội dung chính trong Luật, bao gồm:

1. Nội dung sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện Luật ĐUQT nhằm khắc phục một số khó khăn, vướng mắc hiện nay:

- Sửa đổi khoản 3 Điều 70 để quy định trình tự, thủ tục đàm phán, ký, phê chuẩn, sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT (bao gồm cả ĐUQT nhân danh Nhà nước và ĐUQT nhân danh Chính phủ) về vốn ODA, vốn vay ưu đãi thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý nợ công, pháp luật về đầu tư công.

- Sửa đổi Điều 11 nhằm quy định việc trình kết thúc đàm phán chỉ trong trường hợp cần thiết và cơ quan đề xuất ký kết chủ động quyết định về trình kết thúc đàm phán; quy định trường hợp đã có chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép đàm phán ĐUQT thì hồ sơ trình về việc đàm phán ĐUQT chỉ cần nêu

về ủy quyền đàm phán mà không cần nhắc lại các nội dung khác.

- Sửa đổi Điều 54 liên quan đến sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT.

- Bổ sung khoản 3 Điều 58 quy định hồ sơ đề xuất ký kết ĐUQT, ĐUQT được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ, qua đó tạo cơ sở pháp lý cho quy định của Bộ Ngoại giao và các bộ, ngành về lưu trữ hồ sơ ký kết ĐUQT và ĐUQT.

2. Nội dung cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục:

- Rút ngắn thời gian cơ quan, tổ chức liên quan cho ý kiến, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp cho ý kiến kiểm tra, thẩm định hồ sơ ký ĐUQT (sửa đổi, bổ sung các Điều 9, 13, 18, 20, 30, 39... Luật ĐUQT).

- Cắt giảm yêu cầu xin ý kiến các cơ quan liên quan trong thủ tục trình phê duyệt, phê chuẩn ĐUQT trong trường hợp nội dung ĐUQT không thay đổi so với khi trình ký; cho phép cơ quan đề xuất ký kết có thể chủ động quyết định về việc xin ý kiến (sửa đổi, bổ sung Điều 39 Luật ĐUQT).

- Đơn giản hóa, đồng bộ hồ sơ gửi xin ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao và ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, giảm tải yêu cầu cơ quan đề xuất phải xây dựng 2 bộ hồ sơ khác nhau để gửi xin ý kiến kiểm tra và ý kiến thẩm định (bãi bỏ Điều 19 và sửa đổi, bổ sung Điều 21).

- Sửa đổi, bổ sung quy định về trình tự, thủ tục rút gọn, tạo thuận lợi cho việc áp dụng và đẩy nhanh quy trình: quy định rõ cấp có thẩm quyền quyết định mẫu ĐUQT cấp Nhà nước và cấp Chính phủ tương ứng là Chủ tịch nước và Thủ tướng Chính phủ (khoản 1 Điều 72); sửa đổi Điều 71 về đồng thời đàm phán và ký ĐUQT để có thể đồng thời đàm phán và ký ĐUQT trước khi đàm phán hoặc trước khi ký; bổ sung Điều 71a quy định về đồng thời trình ký và phê duyệt ĐUQT trong trường hợp ĐUQT có thể áp dụng ngay, không đòi hỏi sửa đổi, bổ sung văn bản quy phạm pháp luật.

- Sửa đổi quy định về đăng tải ĐUQT trên Công báo điện tử, thay cho Công báo giấy; bổ sung quy định về giá trị của văn bản ĐUQT đăng tải trên Công báo điện tử có giá trị như bản sao ĐUQT được Bộ Ngoại giao cấp, qua đó đơn giản hóa, cắt giảm thủ tục hành chính về xin cấp bản sao ĐUQT, tạo thuận lợi cho cơ quan nhà nước, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, trong việc sử dụng bản sao ĐUQT trong thực hiện thủ tục hành chính, nhất là liên quan đến thủ tục về thuế xuất nhập khẩu, lao động ở nước ngoài (Điều 60).

Việc cắt giảm, đơn giản hóa quy trình, thủ tục có thể tiết kiệm chi phí cho cơ quan, tổ chức; tăng năng suất và hiệu quả công việc; gắn với trách nhiệm của cơ quan đề xuất; thực hiện chuyển đổi số trong công tác ký kết và thực hiện ĐUQT; thể chế hóa chủ trương, nhiệm vụ, chính sách về khuyến khích phát triển kinh tế tư nhân, hoàn thiện hệ thống pháp luật, xóa bỏ rào cản tiếp cận thị trường, các cản trở sự phát triển của doanh nghiệp tư nhân, cắt giảm thời gian xử lý thủ tục hành chính, giảm chi phí tuân thủ pháp luật của tư nhân.

3. Nội dung thực hiện phân cấp, phân quyền trong lĩnh vực đối ngoại:

- Phân quyền từ Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ trong trình Chủ tịch nước về việc đàm phán ĐUQT nhân danh Nhà nước (khoản 1 Điều 8), trình Chủ tịch nước quyết định ký, gia nhập ĐUQT nhân danh Nhà nước (Điều 13, 41), trình Chủ tịch nước về việc phê chuẩn ĐUQT (khoản 1 và khoản 2 Điều 30), quyết định thay đổi người được ủy quyền ký ĐUQT nhân danh Chính phủ (khoản 4 Điều 63); trình Chủ

tịch nước quyết định ký, gia nhập ĐUQT cấp Nhà nước.

- Phân quyền cho Thủ tướng Chính phủ trong quyết định cho phép ký ĐUQT theo mẫu (khoản 1 Điều 72).

- Bổ sung Điều 72a, quy định việc Chủ tịch nước, Chính phủ ủy quyền Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đàm phán, ký các ĐUQT nhân danh Nhà nước thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước trong trường hợp cần thiết để kịp thời xử lý các yêu cầu thực tế.

- Phân quyền từ Chủ tịch nước, Chính phủ cho Thủ tướng Chính phủ trong quyết định sửa đổi, bổ sung ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (khoản 1 Điều 73), quyết định gia hạn ĐUQT theo trình tự, thủ tục rút gọn (Điều 74).

Luật Điều ước quốc tế đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong việc thiết lập cơ sở pháp lý cho các hoạt động đối ngoại của quốc gia. Đây không chỉ là công cụ pháp lý để tham gia vào các thiết chế quốc tế mà còn là cơ sở để thực hiện cam kết, bảo vệ lợi ích quốc gia và thúc đẩy phát triển bền vững. Trong bối cảnh hội nhập sâu rộng, việc hoàn thiện và thực thi hiệu quả Luật Điều ước quốc tế là yêu cầu tất yếu để nâng cao vị thế quốc gia trên trường quốc tế... Nếu các giải pháp nêu trên được triển khai một cách nghiêm túc, đồng bộ - với sự cam kết cao từ các cấp lãnh đạo, sự phối hợp giữa các bộ ngành, địa phương và sự tham gia của xã hội dân sự - thì hiệu quả thực thi của Luật Điều ước quốc tế chắc chắn sẽ được nâng lên, từ đó giúp Việt Nam bảo vệ được quyền lợi quốc gia, nâng cao uy tín quốc tế và thúc đẩy phát triển bền vững./

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Luật Điều ước quốc tế số 108/2016/QH13 (Việt Nam) - ban hành ngày 9/4/2016.
2. Dự thảo Luật ĐUQT (sửa đổi)
3. Luật Ký kết, gia nhập và thực hiện điều ước quốc tế số 41/2005/QH11 (Việt Nam) - ban

hành năm 2005.

4. Văn bản quốc tế: Công ước Viên về Luật Điều ước Quốc tế (VCLT) 1969
5. Bài viết phân tích về việc áp dụng và thực hiện điều ước quốc tế ở Việt Nam: “Điều ước quốc tế và thực tiễn tham gia thi hành điều ước quốc tế của Việt Nam”.